

Số CV đến:.....1642.....

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)**

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THÀNH

### MỤC LỤC

### Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 28

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần In Nguyễn Văn Thành (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Cổ Phần In Nguyễn Văn Thành là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500172827 đăng ký lần đầu ngày 20/1/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 04/05/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp

**Vốn điều lệ** 4.000.000.000 đồng

**Vốn thực tế** 4.000.000.000 đồng

### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: 48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: 070 3823 126

Fax: 070 383 0653

Mã số thuế: 1500172827

### Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

#### Hội đồng quản trị:

- Ông Nguyễn Minh Tiến
- Ông Lê Thị Kim Triết
- Ông Dương Thị Hồng Nhi

#### Chức vụ

- Chủ tịch
- Thành viên
- Thành viên

#### Ban kiểm soát

- Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân
- Ông Trần Văn Hải
- Bà Lê Hoàng Vân

#### Chức vụ

- Trưởng ban
- Thành viên
- Thành viên

#### Ban Giám đốc và kế toán trưởng:

- Ông Nguyễn Minh Tiến
- Bà Lê Thị Kim Triết
- Bà Dương Thị Hồng Nhi
- Ông Vạn Long Giang

#### Chức vụ

- Giám đốc
- Phó Giám đốc
- Phó Giám đốc
- Kế toán trưởng

### Ngành nghề kinh doanh

In các loại ấn phẩm như sách, báo, tạp chí, hóa đơn, biểu mẫu, nhãn hàng hóa; in bao bì và cán màng phủ, áp nhũ; mua bán nguyên liệu, vật tư ngành in

### Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 06 tháng 05 năm 2016

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



**Nguyễn Minh Tiến**  
**Giám đốc**



Số 16068/2016/BCKT-TBD

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần In Nguyễn Văn Thanh, được lập ngày 06 tháng 05 năm 2016, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần In Nguyễn Văn Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 05 năm 2016

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)**

**Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Nguyễn Thành Đức**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2013-196-1

A handwritten signature of Trần Minh Bảo.

**Trần Minh Bảo**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2015-196-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

				Đơn vị tính: VND
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2015	TẠI NGÀY 01/01/2015
<b>A-TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>8.919.387.684</b>	<b>6.048.515.150</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.051.039.323</b>	<b>2.356.306.018</b>
1. Tiền	111	V.01	2.051.039.323	2.356.306.018
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.416.155.265</b>	<b>1.662.313.375</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02a	4.056.212.538	1.621.979.455
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	300.039.632	38.289.632
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	137.792.499	79.933.692
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	V.05	(77.889.404)	(77.889.404)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.452.193.096</b>	<b>2.019.386.666</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.06	2.452.193.096	2.019.386.666
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	<b>10.509.091</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	-	10.509.091
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.773.247.283</b>	<b>3.242.897.610</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.740.753.672</b>	<b>3.164.022.610</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	2.740.753.672	3.164.022.610
Nguyên giá	222		6.781.667.632	6.681.667.632
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.040.913.960)	(3.517.645.022)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>32.493.611</b>	<b>78.875.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	32.493.611	78.875.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>11.692.634.967</b>	<b>9.291.412.760</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THÀNH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

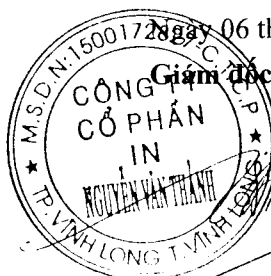
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2015	TẠI NGÀY 01/01/2015
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.292.065.233</b>	<b>4.255.229.623</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.797.065.233</b>	<b>3.350.229.623</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	3.060.113.426	1.211.251.277
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	125.043.425	322.264.635
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	467.492.019	312.592.376
4. Phải trả người lao động	314	V.12	1.386.259.343	749.281.073
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	218.169.710	391.140.570
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	164.649.402	24.421.114
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	380.000.000	340.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(4.662.092)	(721.422)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>495.000.000</b>	<b>905.000.000</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	495.000.000	905.000.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>5.400.569.734</b>	<b>5.036.183.137</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.16	<b>5.400.569.734</b>	<b>5.036.183.137</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.000.000.000	4.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.000.000.000	4.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		573.409.167	521.989.837
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		827.160.567	514.193.300
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		827.160.567	514.193.300
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>11.692.634.967</b>	<b>9.291.412.760</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Kế toán trưởng



Vạng Long Giang



Ngày 06 tháng 05 năm 2016

Nguyễn Minh Tiên



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>25.983.212.739</b>	<b>19.999.643.561</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>25.983.212.739</b>	<b>19.999.643.561</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	20.533.501.425	15.973.208.126
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>5.449.711.314</b>	<b>4.026.435.435</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	9.468.465	13.765.713
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	131.883.334	141.158.333
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		131.883.334	141.158.333
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	1.092.408.501	797.812.117
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	3.013.499.445	2.459.099.073
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.221.388.499</b>	<b>642.131.625</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.07	-	610.000
12. Chi phí khác	32	VI.08	125.522.462	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(125.522.462)</b>	<b>610.000</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.095.866.037</b>	<b>642.741.625</b>
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	268.705.470	128.548.325
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>827.160.567</b>	<b>514.193.300</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.068	1.285
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Kế toán trưởng



Vạng Long Giang



Ngày 06 tháng 05 năm 2016

Giám đốc

Nguyễn Minh Tiến

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNG**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		21.812.044.833	18.079.391.182
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(9.330.274.793)	(6.854.993.169)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.028.627.304)	(5.092.014.565)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(131.883.334)	(141.158.333)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(224.942.013)	(144.771.058)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.300.866.933	1.026.504.844
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.941.919.482)	(5.282.411.837)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>455.264.840</b>	<b>1.590.547.064</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(2.491.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.468.465	550.552.604
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>9.468.465</b>	<b>(1.940.447.396)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THÀNH****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			1.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(370.000.000)	(255.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(400.000.000)	(368.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(770.000.000)</b>	<b>877.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50=20+30+40)	<b>50</b>		<b>(305.266.695)</b>	<b>527.099.668</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>2.356.306.018</b>	<b>1.829.206.350</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>2.051.039.323</b>	<b>2.356.306.018</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 06 tháng 05 năm 2016

Kế toán trưởng

Giám đốc



Vạng Long Giang



Nguyễn Minh Tiến

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần In Nguyễn Văn Thành là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500172827 đăng ký lần đầu ngày 20/1/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 04/05/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

- Vốn điều lệ: 4.000.000.000 VND

- Vốn thực góp: 4.000.000.000 VND

Trụ sở đặt tại: 48 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Công nghệ in

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

In các loại ấn phẩm như sách, báo, tạp chí, hóa đơn, biểu mẫu, nhãn hàng hóa; in bao bì và cán màng phủ, áp nhũ; mua bán nguyên liệu, vật tư ngành in

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

*Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:*

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

*Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### 2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### 3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

##### a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

##### b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

##### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, việc trích lập dự phòng này đơn vị chưa đủ điều kiện để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo phương pháp trên.

## 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

### a. TSCĐ hữu hình:

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:*

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

## 5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

## 6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

### 7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

#### a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt tại quỹ

+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ

Tiền gửi ngân hàng VNĐ

Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Vĩnh Long

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vĩnh Long

Tổng cộng

	Cuối năm	Đầu năm
	20.605.361	26.598.871
	20.605.361	26.598.871
	2.030.433.962	2.329.707.147
	1.880.325.091	1.835.495.621
	150.108.871	494.211.526
	2.051.039.323	2.356.306.018



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

<b>2. Phải thu khách hàng</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
- Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	350.287.770	228.460.552
- Cục Thuế Tỉnh Vĩnh Long	307.832.036	72.432.036
- Chị Thảo Đồng Tháp	90.858.800	69.382.800
- Cơ sở In Lụa Thủy Vân	86.162.526	86.162.526
- Công ty TNHH TM DV Minh Triệu	10.387.598	52.716.928
- Trung tâm Truyền thông GDSK Vĩnh Long	75.504.400	60.577.400
- Trung tâm tin học & Thông tin KHCN	11.266.180	69.647.580
- Liên hiệp hội VNNT Tỉnh Đồng Tháp	22.564.000	
- NXB Giáo dục tại TP. Cần Thơ	569.889.856	-
- Cty TNHH Loan Trâm	39.490.000	-
- Cty CP Du Lịch Cửu Long	18.668.500	-
- Sở tài chính	11.000.000	-
- Sở VH TT & Du Lịch Vĩnh Long	100.153.040	
- Cty TNHH In Xuân Trang	86.306.800	
- Trường Đại học SPKT Vĩnh Long	48.400.000	
- Cơ sở In Lụa Hùng	47.172.092	
- Cty TNHH Tiến Cường	24.789.563	
- Đoàn khối cơ quan Tỉnh Vĩnh Long	19.800.000	
- Đảng ủy khối cơ quan tỉnh Vĩnh Long	52.712.000	
- Tỉnh đoàn Vĩnh Long	38.731.000	
- Văn phòng Ban chỉ đạo nông thôn mới	65.981.300	
- Cty CP In Long An	1.017.596.100	
- Lê Văn Tèo	103.910.040	
- Cục thuế tỉnh Trà Vinh	39.050.000	
- Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Vĩnh Long	97.075.232	
- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	29.920.000	
- Công an tỉnh Vĩnh Long	29.773.810	
- Văn phòng Tỉnh ủy Vĩnh Long	179.031.380	
- Văn phòng phẩm Phú Mỹ Hưng	42.510.757	
- Các khách hàng khác	439.387.758	982.599.633
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.056.212.538</b>	<b>1.621.979.455</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. Trả trước cho người bán**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Công ty TNHH TMDV SX Cơ khí An Phú Thịnh	-	33.000.000
- Lương Hào Quang	-	5.250.000
- DNTN SX TM Thái Lê	39.632	39.632
- Cty TNHH Lý Gia	300.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>300.039.632</b>	<b>38.289.632</b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	<b>Cuối năm</b>		<b>Đầu năm</b>	
<b>a Ngắn hạn</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
- Các khoản tạm ứng nhân viên (*)	111.628.111		72.073.692	
- Bảo hiểm xã hội	3.474.880			
- Bảo hiểm y tế	15.189.508			
- Phải thu khác	7.500.000		7.860.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>137.792.499</b>	<b>-</b>	<b>79.933.692</b>	<b>-</b>

(\*) Chi tiết các khoản tạm ứng nhân viên gồm:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Nguyễn Chí Linh	22.630.811	14.656.192
- Dương Thị Hồng Nhi	-	17.285.500
- Lâm Thị Mỹ Phượng	6.090.300	12.965.000
- Trương Minh Thơm	2.500.000	12.800.000
- Thái Tấn Thảo	14.740.000	-
- Đoàn Thị Thanh Hương	40.000.000	-
- Các nhân viên khác	25.667.000	14.367.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>111.628.111</b>	<b>72.073.692</b>

**5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(77.889.404)	(77.889.404)
<b>Tổng cộng</b>	<b>(77.889.404)</b>	<b>(77.889.404)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. Hàng tồn kho	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (a)	1.455.050.540		1.150.132.588	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	269.511.556		289.696.500	
Thành phẩm	727.631.000		579.557.578	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.452.193.096</b>	<b>-</b>	<b>2.019.386.666</b>	<b>-</b>
(a) Chi tiết nguyên liệu, vật liệu bao gồm:				
- Nguyên vật liệu chính:	1.351.840.592		971.353.864	
- Vật liệu phụ	103.209.948		178.778.724	
7. Chi phí trả trước	Đầu năm	Tăng	Kết chuyển chi phí	Cuối năm
a Chi phí trả trước ngắn hạn	10.509.091	-	10.509.091	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.509.091</b>	<b>-</b>	<b>10.509.091</b>	<b>-</b>
b Chi phí trả trước dài hạn	Đầu năm	Tăng	Kết chuyển chi phí	Cuối năm
	78.875.000	65.458.611	111.840.000	32.493.611
<b>Tổng cộng</b>	<b>78.875.000</b>	<b>65.458.611</b>	<b>111.840.000</b>	<b>32.493.611</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNH

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### 8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					-	
- Số dư đầu năm	1.230.516.467	4.875.600.711	575.550.454	-	-	<b>6.681.667.632</b>
- Mua trong năm	-	100.000.000	-	-	-	100.000.000
- Thanh lý, nhượng bán		-	-		-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.230.516.467</b>	<b>4.975.600.711</b>	<b>575.550.454</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.781.667.632</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
- Số dư đầu năm	491.201.205	2.627.078.331	399.365.486	-	-	<b>3.517.645.022</b>
- Khấu hao trong năm	117.308.340	338.462.206	67.498.392	-	-	523.268.938
- Thanh lý, nhượng bán					-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>608.509.545</b>	<b>2.965.540.537</b>	<b>466.863.878</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.040.913.960</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Số dư đầu năm	<b>739.315.262</b>	<b>2.248.522.380</b>	<b>176.184.968</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.164.022.610</b>
- Số dư cuối năm	<b>622.006.922</b>	<b>2.010.060.174</b>	<b>108.686.576</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.740.753.672</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

# CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. Phải trả người bán	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Doanh nghiệp tư nhân Minh Thi	351.905.805	351.905.805	313.415.382	313.415.382
- Công ty CP Giấy Phụng Vĩnh Hưng	247.552.801	247.552.801	231.083.998	231.083.998
- Công ty TNHH SX TM DV Tân Kim Hưng	115.420.000	115.420.000	171.348.023	171.348.023
- Công ty CP TM Toàn Lực	120.250.925	120.250.925	131.601.380	131.601.380
- Cty CP DT&PTGD Phương Nam	1.110.717.205	1.110.717.205		-
- Cty TNHH TMDV Sách Thời Đại	36.842.520	36.842.520		-
- Cty TNHH TM Gia Hiệp	56.980.000	56.980.000		-
- CN Tổng cty In bao bì Liksin trung tâm KD An Thịnh	24.878.260	24.878.260		-
- Cty CP In và Vật tư Sài Gòn	52.839.600	52.839.600		-
- Cty TNHH MTV SXTM IBB Phú Hào	58.676.000	58.676.000		-
- Cty TNHH MTV Chế bản in Sài Gòn 3	115.133.700	115.133.700		-
- Chi nhánh Cty TNHH Thiết bị in SPM	35.217.600	35.217.600		-
- Cty TNHH TMSXDV Viễn Thái	115.619.350	115.619.350		-
- Chi nhánh NXBGD tại TP Cần Thơ	415.646.351	415.646.351		-
- Các khách hàng khác	202.433.309	202.433.309	363.802.494	363.802.494
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.060.113.426</b>	<b>3.060.113.426</b>	<b>1.211.251.277</b>	<b>1.211.251.277</b>
10. Người mua trả tiền trước			Cuối năm	Đầu năm
- Pho to Trung - Cao Lãnh			-	50.900.360
- Trung tâm đào tạo lái xe - tàu Hậu Giang				10.000.000
- Thành phố Vĩnh Long			1.028.411	52.386.111
- Ban trị sự phật giáo Việt Nam				18.480.000
- Văn phòng phẩm Phú Mỹ Hưng			-	22.178.015
- DNTN Đỗ Gia Computer			10.000.000	
- Công ty TNHH Minh Lợi			5.000.000	
- Hợp tác xã TM DV Hoàn Thiện			4.070.000	
- Công ty TNHH MTV NSK			4.114.000	
- Các khách hàng khác			100.831.014	168.320.149
<b>Tổng cộng</b>			<b>125.043.425</b>	<b>322.264.635</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

# CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THÁNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế GTGT	255.569.599	2.565.620.873	2.458.810.687	362.379.785
Thuế TNDN	43.548.325	268.705.470	224.942.013	87.311.782
Thuế TNCN	13.474.452	53.068.860	48.742.860	17.800.452
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	49.967.700	49.967.700	-
Các loại thuế khác	-	11.300.000	11.300.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>312.592.376</b>	<b>2.948.662.903</b>	<b>2.793.763.260</b>	<b>467.492.019</b>

Trong đó:

*Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:*

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT	362.379.785	255.569.599
Thuế TNDN	87.311.782	43.548.325
Thuế TNCN	17.800.452	13.474.452
<b>Tổng cộng</b>	<b>467.492.019</b>	<b>312.592.376</b>

Số thuế phải nộp của công ty chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

### 12. Phải trả công nhân viên

Lương công nhân viên

**Tổng cộng**

Cuối năm	Đầu năm
1.386.259.343	749.281.073
<b>1.386.259.343</b>	<b>749.281.073</b>

### 13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả

**Tổng cộng**

Cuối năm	Đầu năm
218.169.710	391.140.570
<b>218.169.710</b>	<b>391.140.570</b>

Đây là chi phí chế bản phim và bản kẽm in, chi phí giấy in, trang in, mực in, chi phí sản xuất chung tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

### 14. Phải trả khác

*Phải trả ngắn hạn khác*

- Kinh phí công đoàn
- Bảo hiểm xã hội
- Bảo hiểm y tế
- Bảo hiểm thất nghiệp
- Các khoản phải trả, phải nộp khác

**Tổng cộng**

Cuối năm	Đầu năm
-	-
11.037.216	13.994.384
-	(3.531.018)
-	4.226.610
6.174.539	1.470.593
147.437.647	8.260.545
<b>164.649.402</b>	<b>24.421.114</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THÀNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. Vay và nợ thuê tài chính	Đầu năm		Trong năm		Cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
<i>Vay ngắn hạn</i>					-	
- Vay ngắn hạn (*)	340.000.000	340.000.000	410.000.000	370.000.000	380.000.000	380.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>340.000.000</b>	<b>340.000.000</b>	<b>410.000.000</b>	<b>370.000.000</b>	<b>380.000.000</b>	<b>380.000.000</b>

(\*) Đây là khoản vay phải trả dài hạn đến hạn trả trong năm (thuyết minh tại mục V.15b) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 01/HĐTD - VL.KH ngày 25 tháng 02 năm 2014.

b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Đầu năm		Trong năm		Cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn</i>						
Vay dài hạn (*)	905.000.000	905.000.000	-	410.000.000	495.000.000	495.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>905.000.000</b>	<b>905.000.000</b>	<b>-</b>	<b>410.000.000</b>	<b>495.000.000</b>	<b>495.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THÁNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**16. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>4.000.000.000</b>	-		<b>297.760.499</b>	<b>491.326.134</b>		
Tăng vốn năm trước	-	-		49.132.613			49.132.613
Giảm vốn năm trước							
Lãi trong năm trước					514.193.300		514.193.300
Chia cổ tức					368.494.602		
Trích quỹ từ LN sau thuế				-	122.831.532		122.831.532
Chuyển từ quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển				175.096.725			
Giảm khác							-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>4.000.000.000</b>	-	-	<b>521.989.837</b>	<b>514.193.300</b>	-	<b>5.036.183.137</b>
Tăng vốn năm nay	-		-	51.419.330			51.419.330
Giảm năm nay	-						-
Lãi trong năm				-	827.160.567		827.160.567
Chia cổ tức					(411.354.640)		(411.354.640)
Mua cổ phiếu quỹ					-		-
Trích quỹ từ LN sau thuế					(102.838.660)		(102.838.660)
Giảm khác		-			-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>4.000.000.000</b>	-	-	<b>573.409.167</b>	<b>827.160.567</b>	-	<b>5.400.569.734</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNH

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước
- Vốn cổ phần thuộc các đối tượng khác

*Chi tiết các cổ đông*

Nhà nước

Các đối tượng khác

**Tổng cộng**

Cuối năm	Đầu năm
2.040.000.000	2.040.000.000
1.960.000.000	1.960.000.000
<b>Số tiền</b>	<b>%</b>
2.040.000.000	51%
1.960.000.000	49%
<b>4.000.000.000</b>	<b>100%</b>

#### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp tăng trong năm
- + Vốn góp giảm trong năm
- + Vốn góp cuối năm
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Năm nay	Năm trước
4.000.000.000	4.000.000.000
-	-
-	-
4.000.000.000	4.000.000.000
400.000.000	368.000.000

#### d. Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)
- + Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- + Cổ phiếu phổ thông

Cuối năm	Đầu năm
-	-
-	-
400.000	400.000
400.000	400.000

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm nay	Năm trước
<b>01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	25.983.212.739	19.999.643.561
Trong đó:		
Doanh thu bán sản phẩm	25.983.212.739	19.999.643.561
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.983.212.739	19.999.643.561
<b>02. Giá vốn hàng bán</b>	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm	20.533.501.425	15.973.208.126
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.533.501.425</b>	<b>15.973.208.126</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNG

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Năm nay	Năm trước
<b>03. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi	9.468.465	13.765.713
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.468.465</b>	<b>13.765.713</b>
<b>04. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	131.883.334	141.158.333
<b>Tổng cộng</b>	<b>131.883.334</b>	<b>141.158.333</b>
<b>05. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí bằng tiền khác	1.092.408.501	797.812.117
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.092.408.501</b>	<b>797.812.117</b>
<b>06. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	1.780.063.811	1.419.129.862
Chi phí vật liệu quản lý	17.660.212	5.719.474
Chi phí đồ dùng văn phòng	58.700.000	39.909.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	101.736.445	103.311.066
Thuế, phí và lệ phí	51.467.700	51.467.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.610.152	115.608.833
Chi phí bằng tiền khác	1.000.261.125	723.953.138
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.013.499.445</b>	<b>2.459.099.073</b>
<b>07. Thu nhập khác</b>		
Các khoản thu nhập khác	-	610.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>610.000</b>
<b>08. Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	125.522.462	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>125.522.462</b>	<b>-</b>
<b>09. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.095.866.037	642.741.625
Cộng các khoản chi phí không được trừ	125.522.462	
Thu nhập tính thuế	1.221.388.499	642.741.625
Thuế suất thuế TNDN	22%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>268.705.470</b>	<b>128.548.325</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNH

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	11.433.206.043	9.916.176.872
Chi phí nhân công;	7.742.377.303	6.219.719.166
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	523.268.938	514.761.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	1.195.890.389	1.006.301.944
Chi phí khác bằng tiền.	3.145.203.229	2.188.322.223
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.039.945.902</b>	<b>19.845.282.007</b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm nay	Năm trước
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	-	1.500.000.000
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	370.000.000	255.000.000

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Công cụ tài chính

##### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ lỗ lũy kế)

##### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

##### Các loại công cụ tài chính

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.051.039.323		2.356.306.018	
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	4.194.005.037	(77.889.404)	1.701.913.147	(77.889.404)
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.245.044.360</b>	<b>(77.889.404)</b>	<b>4.058.219.165</b>	<b>(77.889.404)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THÀNH

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công nợ tài chính	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán, phải trả khác	3.224.762.828	1.235.672.391
Các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính	875.000.000	1.245.000.000
Chi phí phải trả	218.169.710	391.140.570
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.317.932.538</b>	<b>2.871.812.961</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### a. Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

##### (i) Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ trong đó đối với hoạt động kinh doanh xuất khẩu, các khách hàng đối tác nước ngoài và các khoản vay ngoại tệ.

##### (ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty có các rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ chịu rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu / phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THẮNH

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### b. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.051.039.323			2.051.039.323
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	4.194.005.037	-		4.194.005.037
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.245.044.360</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.245.044.360</b>

#### Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015

Tiền và các khoản tương đương tiền	2.356.306.018			2.356.306.018
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	1.701.913.147	-		1.701.913.147
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.058.219.165</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.058.219.165</b>

#### c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	3.224.762.828	-		3.224.762.828
Phải trả vay và nợ thuê tài chính	380.000.000	495.000.000		875.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.604.762.828</b>	<b>495.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.099.762.828</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN NGUYỄN VĂN THÀNH

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015

Phải trả người bán, phải trả khác	1.235.672.391	-	1.235.672.391
Phải trả vay và nợ thuê tài chính	340.000.000	905.000.000	1.245.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.575.672.391</b>	<b>905.000.000</b>	<b>-</b>
			<b>2.480.672.391</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu được từ các tài sản tài chính đáo hạn.

2. Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày theo Quyết định 15)	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày theo Thông tư 200)	Chênh lệch trình bày lại
<b>Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán</b>			
- Phải thu ngắn hạn khác	7.860.000	79.933.692	72.073.692
- Tài sản ngắn hạn khác	72.073.692	-	(72.073.692)

#### 3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2015 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.



**Vạng Long Giang**  
Kế toán trưởng



Ngày 06 tháng 05 năm 2016

**Nguyễn Minh Tiến**  
Giám đốc

(Hearings)